

Việc nghiên cứu âm Hán Việt và ngữ âm Tiếng Việt ở Trung Quốc và Nhật Bản

• **Hồ Minh Quang**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Các học giả Trung Quốc và Nhật Bản khi nghiên cứu hệ thống ngữ âm tiếng Việt và hệ thống ngữ âm âm Hán-Việt đã phần thực hiện bằng phương pháp so sánh lịch sử, so sánh chúng với hệ thống ngữ âm tiếng Hán trung cổ được ghi trong “Thiệt vận” thông qua lăng kính Âm vận học. Bởi vì, ngữ âm tiếng Hán có sự tác động sâu sắc đối với quá trình phát triển của hệ thống ngữ âm Tiếng Việt. Sự giao hòa giữa hai hệ thống ngữ âm này lại cho ra đời một hệ thống ngữ âm hoàn chỉnh của âm đọc

chữ Hán ở Việt Nam, tức âm Hán-Việt. Các hệ thống ngữ âm này có mối quan hệ lịch sử khá mật thiết, việc nghiên cứu hệ thống ngữ âm tiếng Việt, hệ thống ngữ âm âm Hán-Việt trong hệ quy chiếu hệ thống ngữ âm của tiếng Hán sẽ có thể nhìn thấy được toàn cảnh quá trình phát triển của chúng, và đồng thời cũng sẽ có được những kết quả quan trọng phục vụ cho việc làm sáng tỏ hơn diện mạo hệ thống ngữ âm tiếng Hán trung cổ, và những lĩnh vực liên quan.

Từ khoá: Ngữ âm, hệ thống ngữ âm, âm Hán Việt, tiếng Việt, Âm vận học

1. Từ thế kỷ 18, chúng ta đã có dịp tiếp xúc với những công trình nghiên cứu chuyên về tiếng Việt hoặc có liên quan đến tiếng Việt của các học giả nước ngoài, như quyển từ điển Taberd “*Dictionarium Anamitico-Latinum*” (1838), “*Ethnology of the Indo-Pacific Islands*” (1852) của J.R Logan, “*Comparative Grammar of the Languages of Further India*” của C.J.F.S Forbes (1881). Đến thế kỷ 19, một công trình nghiên cứu quan trọng của H. Maspéro là “*Études sur la phonétique historique de la langue annamite: les initiales*” đã ra đời và đã trở thành tài liệu nghiên cứu kinh điển về lịch sử ngữ âm tiếng Việt cho tận đến ngày nay. Và sau đó là một loạt những công trình nghiên cứu của nhiều nhà ngôn ngữ học đã được công bố như các nghiên cứu của W.Schmidt (1926), R. Shafer (1942), A.IVLich (1956, H.J.

Pinnow (1963), A.G. Haudricour¹ (1953, 1954), S. Wilson (1966), S.E. Yakhontov (1969, 1973, 1991), M. Ferlus (1974, 1975, 1979...), G. Diffoth (1975, 1989, 1991...)..., đã góp phần không nhỏ cho việc thúc đẩy mảng nghiên cứu tiếng Việt trên diễn đàn ngôn ngữ học thế giới ngày càng trở nên sôi động.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đó đã phần tập trung nhiều vào những mảng nghiên cứu lớn, tức là giải quyết vấn đề nguồn gốc và việc phân loại của tiếng Việt thông qua việc nghiên cứu mối tương quan của nó với những ngôn ngữ thân thuộc gần xa. Trong khi đó, có một bộ phận không ít những nhà nghiên cứu lại đổ công sức vào lĩnh vực nghiên cứu này theo một hướng khác, họ tập trung trí lực và thời gian cho công việc đứng từ góc

¹ Journal Asiatique 242,1954.

độ lịch sử phát triển ngữ âm, mô xê hệ thống âm đọc của chữ Hán trong tiếng Việt, tức âm Hán-Việt, thông qua đó miêu tả quá trình hình thành phát triển của nó, từ đó tìm tòi cung cấp thêm nhiều cứ liệu quan trọng cho lĩnh vực nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Hán và tiếng Việt. Trong những nhà nghiên cứu đó, có nhà ngôn ngữ học người Thụy Điển B. Karlgren với “*Études sur la phonologie Chinoise*”² (1915-1926), đây là một công trình nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Hán bằng nhiều nguồn cứ liệu phương ngữ tiếng Hán và tài liệu âm đọc của chữ Hán được bảo tồn ở những quốc gia trong vùng chịu ảnh hưởng văn hoá Hán, trong đó có một nguồn cứ liệu không kém phần quan trọng là âm Hán-Việt. Những cứ liệu về âm Hán-Việt được đề cập và trình bày trong công trình này sau đó thường được các nhà nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Hán (mà cụ thể là ngành Âm vận học) tham khảo và trích dẫn để phục vụ trong các công trình nghiên cứu liên quan, chứ không phải dùng để nghiên cứu tiếng Việt hoặc âm Hán-Việt. Nhà ngôn ngữ học người Pháp H.Maspéro ngoài công trình “*Études sur la phonétique historique de la langue annamite: les initiales*” kể trên ra, còn có “*Le dialecte de Tch'anggan sous les T'ang*”³ (Phương ngữ Trường An đời Đường) cũng là một thành quả khoa học được xây dựng bằng phương pháp tương tự. Trong nghiên cứu này, ông đã thành công chứng minh được sự tồn tại của hệ thống âm cổ tiếng Hán bằng những cứ liệu thực, mà trong đó một bộ phận cứ liệu quan trọng và được ông sử dụng tương đối nhiều chính là âm Hán-Việt của chúng ta.

Ngoài ra, cũng không thể không kể đến những nhà ngôn ngữ học của Việt Nam chúng ta, mà đi đầu là giáo sư Nguyễn Tài Căn với hai công trình nghiên cứu nổi tiếng mang tính định hướng cho cả xu thế học thuật trong nước là “*Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*” và “*Giáo trình*

lịch sử ngữ âm tiếng Việt”. Đặc biệt là trong “*Nguồn gốc và quá trình hình thành âm Hán Việt*”, Nguyễn Tài Căn đã tập trung giới thiệu và bàn luận tất cả những vấn đề liên quan đến cách đọc Hán-Việt, từ khái niệm, tầm quan trọng đến hoàn cảnh lịch sử của sự hình thành, những cứ liệu về xuất phát điểm của cách đọc Hán Việt; mà từ xuất phát điểm đó, ông đã miêu tả một cách sinh động và giúp cho chúng ta một cái nhìn lịch sử đối với toàn bộ quá trình diễn biến hệ thống phụ âm đầu, hệ thống vần, hệ thống thanh điệu từ tiếng Hán thế kỷ VIII-IX sang âm Hán-Việt ngày nay. Và gần đây, những công trình nghiên cứu của các học giả trẻ như “*Nghiên cứu về âm Hán-Việt và chữ Nôm*” của Hoa Ngọc Sơn, “*Âm hệ tiếng Hán-Việt và quan hệ đối ứng của nó với thanh mẫu tiếng Hán*” và “*Đặc điểm âm vận của tiếng Hán-Việt*” của Nghiêm Thúy Hằng, “*Nghiên cứu so sánh âm vận tiếng Hán-Việt và ‘Quảng Vận’*” và “*Âm Hán-Việt và tiếng Việt Nam*” của Hồ Minh Quang,... cũng đã góp không ít sắc hương cho khu vườn học thuật này.

2. Nhưng sôi động nhất và lực lượng hùng hậu nhất trong lĩnh vực này thì phải nói đến là đội ngũ những học giả Trung Quốc và Nhật Bản, vì từ xưa trong nhưng sách vở lưu truyền lại cho thấy đã có nhiều ghi chép của họ về tiếng Việt của chúng ta, và cho đến hôm nay, công việc nghiên cứu này của họ cũng chưa từng có dấu hiệu gián đoạn hay tụt hậu. Có lẽ vì hai lý do: thứ nhất, văn tự của họ là chữ Hán (Trung Quốc) hoặc biến thể của hệ thống chữ Hán (Nhật Bản), nên một hệ thống âm đọc tương đối cổ xưa và quý giá về mặt học thuật như âm Hán-Việt sẽ rất thiếu sót nếu như không biết tận dụng và nắm bắt lấy nó trong công việc nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Hán và chữ Hán; thứ hai, Việt Nam cùng thuộc vào hệ thống khối chịu ảnh hưởng lớn của văn hóa Hán, nên người Trung Quốc và người Nhật Bản với lợi thế văn tự và ngôn ngữ đương nhiên sẽ có hứng thú và có nhiều điều kiện hơn trong việc nghiên cứu âm Hán Việt và ngữ âm

² Archives d Etudes Orientales, Vol.15, Leyde et Stockholm.

³ Bulletin de l'Ecole française d'Extr(e)me-Orient, XX,2,1920.

tiếng Việt của Việt Nam.

Ở Trung Quốc, những ghi chép sớm nhất về âm đọc chữ Hán trong tiếng Việt có lẽ là ở sách “*Lĩnh ngoại đại đáp*”⁴ của Châu Khứ Phi, người đời Nam Tống. Trong quyển hai của sách này, phần “*Ngoại quốc môn*” (thượng), trong mục “*An Nam quốc*”, một số học giả ngày nay cho rằng trong đó có một lượng từ ngữ có giá trị nhất định trong công việc khảo cứu chữ Hán⁵. Đến thế kỷ XIV, Minh Thái Tổ vào năm Hồng Vũ thứ 15 (1382) đã mệnh cho những người vừa giỏi chữ Hán vừa thông chữ Mông như Hàn lâm thị giảng Hòa Nguyên Khiết biên soạn quyển “*Hoa di dịch ngữ*”, để dùng trong phiên dịch ngoại giao với Mông Cổ. Và đến năm Minh Thành Hóa thứ 5 (1469), thì ngoài việc tăng thêm các thứ tiếng Lưu Cầu, Nhật Bản, Triều Tiên, Chân Lạp,... thì đồng thời Hàn lâm viện của nhà Minh cũng đã biên soạn ra quyển “*An Nam dịch ngữ*”⁶ để dùng trong công tác quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Đây là một quyển sách chuyên phiên âm những từ ngữ tiếng Việt bằng tiếng Hán thời đó, nên tuy có phần sai lệch nhất định trong âm đọc nhưng cũng là những tài liệu quan trọng trong việc nghiên cứu hệ thống phụ âm đầu tiếng Việt khoảng thế kỷ XV⁷.

Hiện nay ở Trung Quốc, có ảnh hưởng nhất và mang tính định hướng chủ đạo thì phải kể đến công trình nghiên cứu của cố giáo sư Vương Lực: “*Nghiên cứu tiếng Hán Việt*”⁸, được viết sau

⁴ Hiện nay đã in “*Lĩnh ngoại đại đáp* hiệu chú”, Dương Vũ Tuyên hiệu chú, Trung Hoa thư cục xuất bản năm 1999. (《嶺外代答校註》, [宋]周去非著, 楊武泉校註, 中華書局, 1999)

⁵ Theo和田正彦《東南アジア史料としての<嶺外代答>——安南国の条を中心として》, 《慶應義塾大學言語文化研究紀要》, số 17, tháng 12 năm 1985.

⁶ Theo Nguyễn Tài Căn, Vương Lộc đã tiến hành công trình khảo sát tài liệu này, nhưng tiếc là cho đến nay vẫn chưa được in ra (“*Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*”, trang 14).

⁷ Theo Nguyễn Tài Căn, “*Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*”. (trang 14)

⁸ Biên trong quyển hai của “*Long Trùng Tịnh Điều Trai văn tập*” của tác giả, Trung Hoa thư cục xuất bản năm 1948 (“*漢越語研究*”, 王力, 《龍蟲並雕齋文集》第二冊, 中華書局, 1948). Hiện đã có bài tham luận “*Bổ sung, hiệu đính*

khoảng thời gian ông công tác và làm việc tại Học viện Viễn Đông Đông Kinh (Hà Nội) từ 1939 đến 1940. Đây là một bài nghiên cứu tổng hợp về tiếng Việt, âm Hán-Việt và chữ Nôm gồm các mục chính: khái luận tiếng Việt, nguồn gốc và địa vị của tiếng Hán Việt⁹ trong tiếng Việt Nam, thanh mẫu của tiếng Hán-Việt, tiếng Hán-Việt cổ (tức âm Hán-Việt cổ), chữ Nôm; mà trong đó, được giới học thuật đánh giá cao nhất là phần “*tiếng Hán-Việt*”. Ở phần này, ông đã so sánh đối chiếu chi tiết giữa âm hệ của âm Hán-Việt với âm trung cổ (thời kỳ đầu) của tiếng Hán, tức hệ thống ngữ âm được ghi trong quyển vận thư “*Quảng vận*” của Trung Quốc, từ đó tìm ra sự liên hệ và biến hóa từ âm cổ ra âm Hán-Việt hiện đại. Nên qua công việc đối chiếu lịch sử của ông, chúng ta có được cái nhìn hệ thống hơn, mang tính quy luật hơn đối với âm Hán-Việt, và nhờ đó mà đã tìm ra được những giá trị quý báu trong việc bảo tồn nét âm cổ của nó, mà từ đó có nhiều cứ liệu hơn trong việc nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Việt.

Kể đến là những công trình nghiên cứu mang tính ứng dụng và chuyên sâu của các chuyên gia nghiên cứu những lĩnh vực liên quan đến lịch sử ngữ âm tiếng Hán như các ngành âm vận học, phương ngữ học, ngữ âm học, mà đi đầu là Phan Ngô Văn¹⁰, Chu Hiểu Nông¹¹, Mạch Văn¹²,... Phan Ngô Văn đặc biệt quan tâm đến sự giao thoa, vay mượn về từ ngữ giữa các ngôn ngữ trong hệ ngôn ngữ Bách Việt cổ, và từ đó nói lên sự liên hệ của chúng trên bình diện ngữ âm, nên trong nhiều bài viết của ông, ta thường xuyên bắt gặp nhiều đoạn

tư liệu cho bài “*Nghiên cứu tiếng Hán Việt*” của Hồ Minh Quang bổ sung, hiệu đính những thiếu sót về việc quy nạp hệ thống và tư liệu trình bày của công trình nghiên cứu này. (“*Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế nghiên cứu và dạy-học tiếng Hán*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006)

⁹ Tức âm Hán-Việt, đây là cách gọi theo quan điểm của ông và hiện nay vẫn được một số nhà nghiên cứu cứu trích dẫn sử dụng.

¹⁰ Đại học Sư phạm Thượng Hải.

¹¹ Đại học Khoa học Kỹ thuật Hồng Kông.

¹² Sở nghiên cứu ngôn ngữ, Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc.

bàn luận mô tả vấn đề là lấy ví dụ là lớp từ vay mượn gốc Hán trong tiếng Việt, như trong “*Lớp từ vay mượn tiếng Hán thượng cổ trong tiếng Việt Nam*”¹³ (bài nghiên cứu), “*Âm vận học lịch sử Hán ngữ*”¹⁴ (sách nghiên cứu). Bên cạnh đó, bài “*Chữ âm môi trong tiếng Hán-Việt và trong ‘Thiệt vận’*” của ông hợp tác với Chu Hiểu Nông cũng đã một thành quả nghiên cứu chuyên sâu có giá trị học thuật cao, trong đó tác giả đã phân tích chi tiết quá trình diễn biến và quy luật ngữ âm của những chữ thuộc âm môi (tức những chữ Hán được đọc bằng âm môi, bao gồm môi-môi, môi-răng) trong tiếng Hán trung cổ, tức trong âm hệ “Thiệt vận”, sang âm Hán-Việt, mà trong đó họ đặc biệt quan tâm đến sự biến đổi âm môi (thần âm) sang âm răng (xỉ âm) và đã đưa ra những giải thích bằng những cứ liệu từ tiếng Mường, các phương ngữ tiếng Việt và những trường hợp biến đổi liên quan trong nội bộ hệ thống ngữ âm âm Hán-Việt.

Về sự biến đổi đó, cũng có nhiều học giả đã đề cập đến trong những bài viết, hoặc trong các công trình nghiên cứu, như “*Biến âm trong tiếng Văn Hy và biến âm trong tiếng Hán-Việt*”¹⁵ của Phan Gia Ý, “*Nghiên cứu tiếng Hán-Việt*” của Vương Lực. Nhưng đa phần chỉ dừng lại ở việc tiếp xúc, giới thiệu tư liệu, gợi mở vấn đề, hoặc phân tích khảo sát theo phương pháp truyền thống của âm vận học. Bài viết “*Răng-lợi hóa của âm môi và trùng nữ tử đặng*”¹⁶ của Chu Hiểu Nông khi được công bố, là một nghiên cứu mang tính đột phá về hiện tượng trùng nữ tử đặng của ngành lịch sử ngữ âm (âm vận học) Trung Quốc. Vì trong đó, ngoài phương

pháp so sánh lịch sử truyền thống ra, tác giả còn sử dụng phương pháp ngữ âm học thực nghiệm hiện đại trong việc giải thích nguyên nhân tại sao âm môi trùng nữ tử đặng trong tiếng Hán lại biến thành âm răng trong âm Hán-Việt, từ đó chứng minh sự tồn tại của âm đệm [-i-] trong địa hạt trùng nữ tử đặng.

Về vấn đề bối cảnh lịch sử và nguyên lý hình thành của âm Hán-Việt, đây là phần được đề cập tản mạn trong nhiều trong nghiên cứu của các học giả, nhưng đa phần chỉ mang tính khái quát, sơ bộ, như “*Nghiên cứu tiếng Hán-Việt*” của Vương Lực, và một số đoạn bài nghiên cứu của Phan Ngô Vân được trích đăng trên các trang web thảo luận học thuật. Bài nghiên cứu “*Nhìn tiếng Hán-Việt từ góc độ cứ liệu lịch sử*”¹⁷ của Mạch Vân (tác giả chính) là một nghiên cứu mang tính tập trung hơn cả về vấn đề này. Tác giả đã đi sâu vào phân tích các cứ liệu lịch sử liên quan đến bối cảnh hình thành của âm Hán-Việt được ghi chép trong sách sử cổ của hai nước, qua đó tập trung bàn về các nguyên nhân đã dẫn đến sự tiếp xúc văn hóa Hán của người Việt, như sự thống trị về chính trị của các tập đoàn phong kiến Trung Nguyên, hoặc các cuộc Nam hạ di cư lánh nạn của trí thức người Hán; đồng thời qua phân tích các cứ liệu lịch sử và tính chất của hệ thống ngữ âm âm Hán-Việt, đã đưa ra một số kết luận xung quanh về sự hình thành của âm Hán-Việt: một là chữ Hán phải được truyền vào Việt Nam rất sớm cùng với sự Nam tiến của người Hán và âm Hán-Việt phải được hình thành sớm hơn so với thời điểm giành được độc lập của Việt Nam, tức phải từ thời Trung Đường hoặc sớm hơn chứ không phải như một số học giả (ở Trung Quốc) cho rằng là thời kỳ Văn Đường hoặc Ngũ đại, hai là quá trình hình thành của âm Hán-Việt sẽ chịu sự

¹³ Báo học thuật Học viện Sư phạm Ôn Châu, số kỳ 3 năm 1987 (“越南語中的上古漢語借詞層”, 潘悟云, 《溫州師院學報》, 1987年第3期).

¹⁴ Nhà xuất bản Giáo dục Thượng Hải, năm 2000 (《漢語歷史音韻學》, 潘悟雲, 上海教育出版社, 2000).

¹⁵ Nghiên cứu ngữ văn, kỳ 2 năm 1995 (“聞喜變音與漢越語變音”, 潘家懿, 《語文研究》1995年第二期).

¹⁶ Nghiên cứu ngôn ngữ, tháng 9 năm 2004 (“唇音齒齶化和重組四等”, 朱曉農, 《語言研究》, 2004年9月).

¹⁷ Tham luận tham gia “Hội nghị Quốc tế so sánh ngôn ngữ Đông Á” tháng 12 năm 2006 tại Thượng Hải, viết chung với Hồ Minh Quang

(參加2006年12月在上海舉辦的“東亞語言比較國際研討會”的論文, 與胡明光合作).

chi phối rất lớn từ tiếng Hán được sử dụng ở hai vùng Lương Quảng do sự tương cận về vị trí địa lý và tương đồng về bối cảnh lịch sử.

Các công trình nghiên cứu có liên quan đến âm Hán-Việt gần đây của các học giả chuyên nghiên cứu vấn đề ngôn ngữ của Quảng Tây cũng rất đáng chú ý. Vì đây là khu vực tiếp xúc chặt chẽ với Việt Nam từ về tiếp giáp vị trí địa lý lẫn giao lưu văn hóa thương mại, cộng thêm vào đó là tiếng dân tộc của người Choang được sử dụng trong vùng lại có mối quan hệ lịch sử mật thiết với tiếng Việt. Nên với những điều kiện thuận lợi đó, các nhà ngôn ngữ học của lĩnh vực này đã liên tục cho ra đời nhiều công trình khoa học rất đáng chú ý trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Việt và âm Hán Việt. Ví dụ như Vi Thụ Quan của Học viện Dân tộc Quảng Tây với công trình tiêu biểu của ông là “*Nghiên cứu hệ thống phụ âm đầu trong từ quan hệ tiếng Hán Việt*”¹⁸. Đây là công trình nghiên cứu nguồn gốc và diễn biến hệ thống âm đầu của âm Hán Việt trong bối cảnh Hoa Nam và toàn vùng Nam Á rộng lớn, tuy trong đó vẫn còn nhiều điều làm người đọc phân vân, do dự, nhưng với kho tài liệu phong phú, cách suy luận mang đậm phương pháp đối chiếu lịch sử đã đem đến sự thành công nhất định cho cả công trình. Kế đến là những bài viết nghiên cứu về lớp từ vay mượn từ tiếng Hán trong tiếng Việt, tiếng Choang trong sự so sánh với phương ngôn Bình thoại (của tiếng Hán), để tìm ra mối quan hệ ngữ âm giữa tiếng Việt, tiếng Choang, cùng với những vết tích ngữ âm cổ xưa của tiếng Hán còn lưu giữ trong những ngôn ngữ này. Như “*Từ mượn tiếng Hán cổ trong tiếng Choang với quan hệ giữa tiếng Hán Việt và tiếng Bình thoại*”¹⁹ của Lam Khánh Nguyên, “*Quan hệ nguồn gốc lịch sử từ vay*

mượn cổ trong tiếng Choang - tiếng Hán Việt - tiếng Bình thoại”²⁰ của Lý Liên Tiến,... đều là những bài nghiên cứu truy tìm những mối quan hệ ngữ âm của những lớp từ ngữ vay mượn từ tiếng Hán trong tiếng Choang, tiếng Việt với hệ thống ngữ âm Bình thoại, và từ những sự liên hệ đó, đứng từ góc độ lịch sử họ đã đóng góp thêm nhiều ý kiến cho công việc truy nguyên hệ thống ngữ âm cổ của các ngôn ngữ này, nhất là đối với tiếng Hán.

Bên cạnh đó các bài nghiên cứu “*Luận mối quan hệ giữa âm Hán-Việt trong tiếng Việt Nam và phương ngôn Bình thoại của tiếng Hán*”²¹ của Vi Thụ Quan, “*Luận từ Hán Việt trong tiếng Việt hiện đại*”²² của Hoàng Hoa, “*Quan hệ về âm đọc của hai thanh mẫu Tịnh - Định trong tiếng Hán Việt, thổ ngữ miền Nam Hồ Nam, thổ ngữ miền Bắc Quảng Đông*”²³ của Vương Phúc Đường, “*Luận ảnh hưởng của ngữ âm tiếng Hán với ngữ âm tiếng Việt Nam*”²⁴, “*Khảo sát sơ bộ nguyên nhân ảnh hưởng sâu sắc của chữ Hán, tiếng Hán đối với ngôn ngữ, chữ viết của Việt Nam*”²⁵ của Đàm Chí Từ đều là những nghiên cứu có giá trị tham khảo

²⁰ Báo học thuật Sư phạm Quảng Tây, tháng 10 năm 2002 (“*壯語老借詞、漢越語和平話的歷史源流關係*”, 李連進, 《廣西師範學報》(哲學社會科學版)第23卷第4期, 2002年10月).

²¹ Báo học thuật Học viện Dân tộc Quảng Tây, tháng 03 năm 2001 (“*論越南語中的漢越音與漢語平話方言的關係*”, 韋樹關, 《廣西民族學院學報》(哲學社會科學版), 第23卷第2期, 2001年3月).

²² Tạp chí “*Ngoại ngữ hiện đại*”, kỳ 3 năm 1990 (“*論現代越語中的漢越詞*”, 黃華, 《現代外語》, 1990年第3期).

²³ Đăng trong “*Tuyển tập luận văn học thuật chào mừng 100 năm kỷ niệm ngày sinh của tiên sinh Vương Lực*”, Thương vụ ấn thư quán xuất bản năm 2002

(“*漢越語和湘南土話、粵北土話中並定母讀音的關係*”, 王福堂, 《紀念王力先生百年誕辰學術論文集》, 商務印書館, 2002).

²⁴ Báo học thuật Học viện Ngoại ngữ Giải Phóng quân, tháng 3 năm 1998

(“*論漢語語音對越南語語音的影響*”, 譚志詞, 《解放軍外語學院學報》, 第21卷第2期, 1998年3月).

²⁵ Tạp chí “*Đông Nam Á*”, kỳ 2 năm 1998 (“*漢語漢字對越南語言文字影響至深的原因初探*”, 譚志詞, 《東南亞》1998年第2期).

¹⁸ Nhà xuất bản Dân tộc Quảng Tây, năm 2004

(《*漢越語關係詞聲母系統研究*》, 韋樹關, 廣西民族出版社, 2004).

¹⁹ Tạp chí “*Ngữ văn dân tộc*” số 3 năm 2001

(“*壯語中古漢語借詞及漢越語與平話的關係*”, 藍慶元, 《民族語文》2001年第3期).

cao đối với việc nghiên cứu âm Hán-Việt.

3. Các học giả Nhật Bản cũng tỏ ra không tụt hậu trong lĩnh vực này, mà sớm nhất theo như trong nhiều tài liệu nhắc đến có lẽ là “*An Nam ký lược cáo*” của Kondo Morishige (近藤守重) viết vào khoảng khoảng thế kỷ 19. Trong đó, ngoài những giới thiệu về Việt Nam ra, phần “phương ngôn” (tức phương ngữ) của sách có biên thêm vào cả “*An Nam dịch ngữ*” của bộ “*Hoa di dịch ngữ*”. Năm 1903, âm chữ Hán được sử dụng ở Việt Nam cũng được đề cập đến trong “*Vùng đất mới của nước Phật - Nhật Nam*” của các tác giả Nanjo Fumio (南條文雄)、Takakusu Junjiro (高楠順次郎)、Sawai Tsuneshiro (澤井常四郎). Trong “*Lịch sử tiếng Triều Tiên*”²⁶ của Shinpei Ogura (小倉進平) ở chương 10 cũng có nhắc đến ngoài bên cạnh những nghiên cứu về tiếng Việt, thì các học giả Triều Tiên cũng có bàn luận sơ nét về ngữ âm tiếng Việt như trong “*Phiêu Châu lục*” của Lý Tiến Đạt, phần “*Tứ di dịch ngữ*” trong “*Cổ kim thích lâm*” của Lý Nghĩa Phụng. Năm 1928, “*Nghiên cứu ngôn ngữ học của tiếng Indochina*”²⁷ của Takahata Hikojiro (高畑彦次郎) trong phần khái lược các tài liệu nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Hán, có một số đoạn nhấn mạnh tầm quan trọng của âm Hán Việt, và xác định rằng đây là hệ thống âm đọc của chữ Hán được truyền vào Việt Nam vào đời Đường. Hideyo Arisaka (有坂秀世) trong “*カールグレン氏の拗音説を評す*”²⁸ cũng đã có bình luận về vấn đề sử dụng tài liệu âm Hán Việt trong nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Hán của nhà ngôn ngữ học người Thụy Điển B. Karlgren (trong “*Études sur la phonologie Chinoise*”) và đồng thời đã chỉ ra những bất hợp lý trong đó.

²⁶ 大阪屋號書店 xuất bản tháng 11 năm 1920. Sau đó, tháng 5 năm 1940 lại được 刀江書院 xuất bản với tên “Bổ sung hiệu đính lịch sử tiếng Triều Tiên”.

²⁷ 《支那語の言語学的研究》(一), báo 《藝文》 số 8 năm thứ 19.

²⁸ 《音聲學協會會報》49、51、53、58、期, 1937-1939年.

Nhưng nghiên cứu có hệ thống sớm nhất nhất có lẽ phải kể đến Tōru Mineya (三根谷徹), vì năm 1943 trong luận văn tốt nghiệp Khoa Văn học Trường Đại học Đế quốc Đông Kinh với đề tài “*Nghiên cứu An Nam dịch ngữ*”²⁹, ông là người đầu tiên nghiên cứu âm Hán-Việt với một hệ thống và phương pháp rõ ràng. Đây là cột mốc quan trọng không những của Tōru Mineya (三根谷徹) mà còn của nền học thuật Nhật Bản trong lĩnh vực này.

Sau đó năm 1947, Todo Akiraho (藤堂明保) đã công bố một công trình nghiên cứu quan trọng của mình là “*Những phát sinh về hai tự mẫu ảnh - dụ trong tiếng Việt Nam*”³⁰. Trong đó ông đã nhận định rằng có những vết tích cổ xưa của ngữ âm tiếng Hán thời Hán - Ngụy trong tiếng Việt ngày nay, và đã thảo luận quá trình biến mất của cách đọc hữu thanh của “du mẫu” và sự xuất hiện của “bán mẫu âm y”. Và đây là một thành tựu nghiên cứu khoa học mang tính định hướng lý luận cao trong lĩnh vực nghiên cứu so sánh tiếng Hán và tiếng Việt.

Sau đó, liên tiếp hai năm 1948 và 1951, Tōru Mineya (三根谷徹) đã công bố hai bài nghiên cứu là “*Luận về âm An Nam của chữ Hán*”³¹ và “*Luận về hệ thống thanh điệu của âm tiếng An Nam*”³². Đây là hai bài nghiên cứu có ảnh hưởng rất lớn trong lĩnh vực nghiên cứu âm vận tiếng Hán và giới nghiên cứu tiếng Việt của Nhật Bản, đưa công việc nghiên cứu âm chữ Hán ở Việt Nam vào giai đoạn nghiên cứu mang tính hệ thống cao. Như trong bài thứ hai, ông đã đưa ra quan điểm riêng của mình về tên gọi cũng như về thứ tự, điều trị của

²⁹ Nhưng rất tiếc công trình này đến nay chưa được công bố.

³⁰ 《越南語より見たる影、喻兩字母の發生について》, sau đó đã được in trong 《藤堂明保中國語學論集》, 汲古書院 xuất bản tháng 2 năm 1987.

³¹ 《漢字の安南音について》, trong 《人文》2-2, tháng 9 năm 1948年9月), và trong 《漢字の安南音に關する研究》(《文部省科學研究費研究報告集録》) tháng 11 năm 1951.

³² 《安南語の聲調の體系について》 trong 《金田一博士古稀記念言語、民俗論叢》, tháng 06 năm 1953.

tiếng Việt Nam. Thông qua tham khảo so sánh các tài liệu như “*Việt Nam tự điển*”, “*Việt Nam văn phạm*”, “*Đại Nam quốc âm tự vị*”, “*Nhập môn tiếng An Nam*”, “*Tiếng An Nam cơ sở*”, ông đã đưa ra sự lựa chọn thích hợp về sắp xếp thứ tự thanh điệu tiếng Việt trong công việc nghiên cứu là: thanh 1 là âm bình, thanh 2 là dương bình, thanh 3 là âm thượng, thanh 4 là dương thượng, thanh 5 là âm nhập và thanh 6 là dương nhập. Và đây là hệ thống cách xếp thanh điệu có ảnh hưởng lớn chung trong lĩnh vực được nhiều người sử dụng và trích lục như trong “*Ngôn ngữ học Nhật Bản*”³³, quyển 2 phần “*Âm vận*”.

Cùng với Tōru Mineya (三根谷徹) đã đi đầu trong việc đặt nền móng cơ sở và định hình phương hướng nghiên cứu, Yamamoto Tatsuro (山本達郎) cũng là người có đóng góp rất lớn cho lĩnh vực này trong công việc sưu tầm tài liệu. Trong bài nghiên cứu “*Tạp lục danh sách những sách vở của An Nam được cất giữ trong Thư viện Paris*”³⁴, ông đã cung cấp thông tin cho giới học thuật những tài liệu hiếm thấy và có giá trị cao trong công việc nghiên cứu, như “*Thiên tự văn tiền âm*”, “*Phật tượng lượng độ kinh*”, “*Minh tâm bảo giám thích nghĩa*”, “*Tam thiên tự tiền âm*”, “*Dương tiết diễn nghĩa*”, “*Thiên nam tứ tự kinh*”, “*Tam tự giải âm diễn ca*”³⁵,...

Đến thập kỷ 60 của thế kỷ 20, Hashimoto Mantaro (橋本萬太郎) trình làng bài nghiên cứu “*Một đặc trưng của âm chữ Hán ở An Nam*”³⁶, đây là một công trình nghiên cứu được nhiều người biết đến bởi những phát hiện quan trọng về tính hầu âm hóa của những âm hữu thanh trong tiếng Việt. Những thành quả được đề cập trong đó được nhiều học giả trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Việt lần

trong ngôn ngữ so sánh liên quan đến tiếng Việt công nhận và trích dẫn trong nhiều công trình nghiên cứu khác. Một vài năm sau đó, Tōru Mineya (三根谷徹) lại công bố thêm một công trình nghiên cứu nữa là “*Âm chữ Hán Việt Nam trong ‘Vận kinh’*”³⁷, và đến năm 1972 lại cho xuất bản sách nghiên cứu “*Nghiên cứu về âm chữ Hán ở Việt Nam*”. Và đây là một trong những thành quả nghiên cứu mang tính đại diện cho trình độ học thuật của Nhật Bản trong lĩnh vực nghiên cứu này.

4. Việc nghiên cứu lịch sử ngữ âm tiếng Hán, nhất là ngữ âm tiếng Hán trung cổ bằng phương pháp so sánh lịch sử từ nguồn cứ liệu là các phương ngữ và âm đọc chữ Hán còn lưu giữ bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc, được bắt nguồn từ B. Karlgren trong công trình nghiên cứu mang tính bước ngoặt lịch sử “*Études sur la phonologie Chinoise*”. Tuy sau đó và cho đến hôm nay, từ cách sử dụng tài liệu trong việc minh họa giải thích quy luật, cho đến một phần nào đó kết quả phục nguyên hệ thống ngữ âm cổ đại tiếng Hán của ông luôn bị nhiều học giả phản đối và chỉ trích, nhưng giới Âm vận học Trung Quốc, Nhật Bản và cả Việt Nam³⁸ vẫn đã nhất trí công nhận tính khoa học và nồng nhiệt đón nhận phương pháp mới đó trong công việc nghiên cứu của mình. Và đó cũng là phương pháp được sử dụng rất nhiều và thậm chí là tất yếu trong việc nghiên cứu âm Hán-Việt, mà các công trình nghiên cứu kể trên là những minh chứng cụ thể. Nên đây có thể nói là nhíp cầu nổi quan trọng, là điểm tựa thiết yếu để học giả các nước hội ngộ, giao lưu thành quả khoa học với nhau trên bình diện học thuật này. Nên trong những năm qua, lĩnh vực nghiên cứu âm Hán-Việt và ngữ âm tiếng Việt đã đạt được những thành tựu vượt bậc nhờ sự giao hòa giữa các luồng học thuật, mà lĩnh vực nghiên cứu âm vận tiếng Hán cũng phát triển rực rỡ nhờ một nguồn cứ liệu quý giá đã được học giả các

³³ 大修館書店 xuất bản tháng 3 năm 1980.

³⁴ Đăng trên 《東洋學報》 của Trung Quốc quyển 36, số 1, tháng 6 năm 1953.

³⁵ 《千字文鮮音》、《佛像量度經》、《明心寶鑒釋義》、《三十字鮮音》、《陽節演義》、《天南四字經》、《三字經解音演歌》。

³⁶ 《安南漢字音の一特質》。

³⁷ 《〈韻鏡〉と越南漢字音》。

³⁸ Ngoài ra còn có những nhà Hán học của các nước khác như Nga, Mỹ,...

nước cùng bắt tay khơi trong chất lọc. Xu thế này cũng sẽ vẫn là con đường khoa học vững tiến, đại

lộ học thuật tất yếu trong tương lai trong lĩnh vực này.

The research of Sino-Vietnamese and Vietnamese phonology in China and Japan

• **Ho Minh Quang**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Defining the connotations of scientific concepts is the prerequisite for any scholarly project that follows. "Hán học" (Sinology) and "Trung Quốc học" (Chinese Studies) are two concepts alternatively employed, and seemingly taken as identical to some extent in Vietnam. In fact, the circle of international scholars has come up with quite clear-cut definitions for the two concepts in question. Based on this foundation, scholars have established two distinct disciplines with significant achievements for each. Such a distinction reflects strategic scholarly views in scientific disciplinary development. Depending on the strength and concrete demands of an academic institution, either Sinology or Chinese Studies will be selected to be the focal point of development. Interdisciplinary by nature and influenced by the research

paradigm prevailing within a nation, Sinology and Chinese Studies both require the collaboration of various scientific disciplines. Sinology and Chinese Studies in Vietnam are now facing a huge gap that separates them from the circle of international scholars. Shortening the gap has undoubtedly become an urgent demand, and positioning Vietnam's Sinology/Chinese Studies in the map of international scholarly achievements must be founded on the awareness of the up-until-now development history of the discipline within and outside Vietnam. Research on China in relation to Vietnam from a comparative perspective always remains an advantage and great potential of Vietnamese Sinology/Chinese Studies. The model of Indo-Sinology may stand out as a suggestion for the development of Viet-Sinology in Vietnam.

Keywords: Sinology, Chinese Studies, Vietnam, Indo-Sinology, Viet-Sinology, discipline

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Triển vọng âm vận học tiếng Hán trong những năm 90, Đường Tác Phiên, Dương Nại Tư, đăng trong tạp chí "Nghiên cứu ngữ văn", kỳ 4 năm

1991.

(《展望九十年代的漢語音韻學》，唐作藩、楊耐思，《語文研究》第4期，1991年)

- [2]. Âm vận học tiếng Hán trên đường phôi phối vươn lên, Thiều Vinh Phân, trích trong “Tuyển tập kỷ niệm 40 năm nghiên cứu ngữ văn Trung Quốc”, Nhà xuất bản Viện Ngôn ngữ học Bắc Kinh, năm 1993.
(《欣欣向榮的漢語音韻學》，邵榮芬，《中國語文研究四十年紀念文集》，北京語言學院出版社1993)
- [3]. Nghiên cứu âm vận học tiếng Hán trong 40 năm qua, Lý Tân Khôi, đăng trong tạp chí “Ngữ văn Trung Quốc”, kỳ 1 năm 1993.
(《四十年來的漢語音韻研究》，李新魁，《中國語文》1期，1993年)
- [4]. Nhìn lại và triển vọng lĩnh vực nghiên cứu âm trung cổ, Hoàng Tiểu Sơn, đăng trong “Nghiên cứu Hán ngữ cổ”, kỳ 4 năm 1998.
(《中古音研究的回顧與展望》，黃笑山，《古漢語研究》4期，1998年)
- [5]. Nghiên cứu âm chữ Hán Việt Nam của học giả Nhật Bản, Lý Vô Vị, đăng trong “Báo học thuật Đại học Diên Biên”, kỳ 1, tháng 3, năm 2006.
(《日本學者的越南漢字音研究》，李無未，《延邊大學學報》2006年3月第39卷第一期)